

VI THỊ ĐÍ	Kngoại	8.03	7.93	8	7.83	8.07	7.2	8.3	8.07	7.9	8.5	3.8	8.37	8.4	3.93	3.83	7.8	7.9	7.87	8.13	8.5	20
VI THỊ VÂN	Kngoại	8	8.63	8.67	8.3			7.2	8.6	8.3	8.37	6.87	7.9	8.47	8.37	8.33	8.77	8.4	8.27	8.53	8.37	18
GIÀ Y LÝ	Kngoại	7.67	7.77	7.97	8.07	8.43	5.93	7.83	8.63	7.83	7.9	6.6	8.13	8.13	8.13	7.87	8.13	8.27	8.3	7.97	7.9	20
LƯƠNG THỊ HUYỀN THẢO	Kngoại	8.53	8.43	8.13	7.57	8.57		3.9	3.87	7.53	8.07		7.13	7.67	7.13		8.63	5.17	6.2	8.5	8.07	17
VI THÁI BÌNH	Kngoại	7.83	7.9	8.53	7.6	5.43	2.17	5.23	3	7.53	8.57	4.67	8.73	8.63	7.5	7.77	8	8.3	8.53	7.6	8.57	20
VI VĂN HÙNG	Kngoại	8.73	8.63	8.53	8.63	8.73	7.33	8.13	8.53	3.8	8.57	4.43	8.7	8.47	4.4		4.23	8.73	8.73	8.67	8.57	19
LƯƠNG ĐÌNH ĐẠT	Kngoại					8.63	4.23	7.87	7.6								8.7	7.17	8.87	8.6		9
HỒ THỊ HÒE	Kngoại	8.53	8.57	7.87			4.47	8.33		7.3	8.43	4.27	8.5		8.37	6.97	8.2	7.63	8.43	7.5	8.43	15
NGUYỄN PHÙNG TOM	Kngoại	8.7	8.37	7.53	8.43	8.8	6.23	7.93	8.47	8.17	9.27	6.83	8.7	6.1	8.43	8.53	8.8	2.8	8.8	8.3	9.27	20
NGUYỄN THIÊN HOÀNG	Kngoại																					0
KHA THỊ TÂM	Kngoại	8.47	4.63	3.5	8.43	5.37									8.63	8.43	8.7	8.47	8.73	9.13		12
KHA VĂN KHÁNH	Kngoại	7.87			8.33	4.47	4.13	2.77			8.43	2.67	8.47	8.3	8.53	8.53	1.83	8.33	8.5	8.33	8.43	16
MÙA Y DÌA	Kngoại	2.67								3.17	4		7.5	8.07	8.57		8.7	8	8.57	8.43	4	11
NGUYỄN TIẾN DŨNG	Kngoại	8.7	8.47	8.5	8.4	4.5	4.27	8.03	8.5		8.47	7.4	8.37	8.5	8.4	8.47	8.6	8.7	8.53	8.6	8.47	19
VI KHẮC TIỆP	Kngoại		8.47	5.2	8.07	8.7		8.2				2	8.57		5.33	8.5		5.13	8.63	8.6		13
LÔ THỊ HẠNH	Kngoại	8.4	8.53		8.4	8.5	6.27	8.1	8.47	8.13	8.5	7	2.83	8.47	8.67	8.37	8.57	8.47	8.5	8.47	8.5	19
Khoa Ngoại 3CK Count		19																				
NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	Knội	8.57	7.63	8.3	8.5	8.57			8.5	8.17	8.57	4.33	8.37	8.47	8.47	8.57	5.57	5.43	8.53	8.17	8.57	18
VI THỊ KIM	Knội					2.87	1.97	5	4.27				5.63	5.83								6
VỪ BÁ CỎ	Knội	8.77	8.47	8.7	4.1	4.77	4.57	8.07	8.6	8.23	8.53	4.4		8.53	8.47	8.63	8.57	8.33	7.33	8.6	8.53	19
XÔNG BÁ TỬA	Knội	9.4	8.77	8.8	8.87	8.97	2.9	8.23	3.73			7.6		8.27	8.53	8.5	8.43	7.2		8.6		16
VỪ BÁ TU	Knội			8.67	9	3.67			4.13	8.33	8.5	4.2		8.47	8.5	4.37		8.43	4.8		8.5	13
KHA BÚN MY	Knội	9.23	8.77		8.7	8.77					3.7	2.87	8.9	8.77	8.87	8.83	4.63	8.67	4.17	8.63	3.7	15
LƯƠNG VĂN HOÀNG	Knội																					0
LƯƠNG THỊ HẰNG	Knội					2.87														4.03		2
LẦU Y GIỎ	Knội	8.83	8.57	8.07		5.57	2.2	7.57	8.3	4.03	7.67	4.37	8.5	8.33		7.6	7.7	7.53	7.63	8.4	7.67	18
HỒ Y SÙA	Knội	8.47	7.93	8.5	7.93		2.83	4.53	2.97		8.5	7.27	8.57	8.6	8.57	8.43		8.47	8.5	8.43	8.5	17
ĐẶNG THỊ LƯƠNG	Knội	8.47	8.47	8.6	8.5	3.97		8.03	3		8.5	4.27	8.5	8.5	8.5	4.17	5.63	5.77	8.5	8.5	8.5	18
VỪ BÁ PHIA	Knội	7.83	7.87	8.5	8.63	8.7	4.37	3.9	8.6		8.73		8.57	8.57	8.5		8.63	8.67	8.57	7.8	8.73	17
VŨ THỊ ÁNH	Knội																					0
LƯƠNG XUÂN QUY	Knội	5.63			5.63		2.6		5.67		7.63	7.27	8.57	7.93	8.1	5.57	7.87	5.7	7.93	7.8	7.63	15
NGUYỄN THỊ HẠNH	Knội																					0
NGUYỄN KHẮC LÂM GIANG	Knội	8.47	8.63		8.5	8.57			3.7	4.5	8.9	4.33									8.9	8
LÊ THỊ HIỀN	Knội																					0
NGUYỄN VĂN NGA	Knội	8.67	8.4	8.3	8.53	8.63	2.8	8.07	8.43	8.13	8.53	7.5	8.63	8.47	8.47	8.43	8.43	3.07		8.6	8.53	19
VỖ THỊ THẨM	Knội	7.43	3.9	8.67	8.4	6.37						4.4	8.53		4.17	8.5		8.47	8.67	8.3		13

LÔ THỊ HẰNG B	Knội	5.7	8.23	7.97		8.4					8.5	1.47	8.5	9.33	8.9	1.47	8.5	8.5	8.53		8.5	14	
ĐOÀN ĐẠI PHÚC	Knội																						0
KHA THỊ HÀ	Knội	2.93																					1
VI VĂN KHƯƠNG	Knội																						0
KHA THỊ THỦY	Knội	8.6	8.53	8.5	8.6	8.5	3				8.53	4.27	8.47	8.47	8.5	8.5	8.47	8.4	8.47		8.53	16	
Khoa Nội Nhi Count	24																						
Vi Thị Hồng	CSSKSS	8.6		8.6	8.47	8.6	2.03	5.37					4.5	8.53	8.4	2.9	8.27	8.4	4.07	8.57		15	
LỮ THỊ HƯƠNG	CSSKSS					8.6	4.53	8.27	4.5	7.53	8.77	2.5	8.5	8.5	8.63	3.83	8.43	7.93	8.27	8.53	8.77	16	
VI THỊ LÊ	CSSKSS	7.73	7.9	8.53	3.2	2.3		7.67	8.63		7.83	4.4	7.93	8.57		5.13	7.83	8.5	8.67	8.37	7.83	17	
VỪ Y XỬ	CSSKSS	8.8	3.5	8.6	7.97	8.53		8.3	8.57		8.2	4.5	8.7	8.37		4.2	8.63	8.63	8.7	8.5	8.2	17	
CAO THỊ MINH HIỂN	CSSKSS	4.53	8.33	8.2	8.3	3.97	3	2.73							8.33	8.37	8.5			8.33		12	
LÔ VĂN HẢI	CSSKSS	8.37			8.4	8.6		8.13	5.6	1.8	4.5	4.2	8.87	8.6	8.47	8.57	8.27	8.43	8.53	8.73	4.5	17	
VI THỊ CHUYÊN	CSSKSS		8.5	8.5	8.37	8.4	4.53	8.13	8.43	8.3	8.5	3.07	8.47	8.37	8	8.37	8.4	4.5	8.47	8.4	8.5	19	
VI THỊ UYÊN	CSSKSS		8.8	8.43	8.57			4.43				4.43	8.43	3.37	8.33	3.8	5.53	8.6	8.67			13	
NGÔ THỊ DUYỄN	CSSKSS	8.3	8.63		5.6	8.6		8.3	4.8	7.9	8.57		8.37		8.3	8.2	8	4.4	8.5	8.5	8.57	16	
VY THỊ COÓNG	CSSKSS	8.6			2.87	8.7	2.77	4.23		8.07	8.87	4.37	8.37	8.37	8.37	8.4	8.27		8.8	8.6	8.87	16	
Khoa CSSKSS Count	10																						
VỪ Y ĐĨA	KLây	8.97	8.77	8.63	8.43	8.73	2.83	8.27	8.53		3	7.2	3.07	8.63	8.4	8.37	8.57	9.37		8.77	3	18	
NỘC VĂN HẰNG	KLây	8.67	8.6	8.5	4.23					8.23							8.63	8.6	8.57	8.63		10	
NGUYỄN BẢO TRUNG	KLây	8.6	8.6	8.67	8.53	8.6			8.1		8.5	4.4	6	8.77	3.93	3.5	3.57	8.63	8.67	8.8	8.5	17	
NGUYỄN THỊ KIM LÂM	KLây	8.7	4.2		8.63	8.73	2.87	8.2	3.77		8.7	7.33			8.43	8.5	8.57	8.43	8.7	8.67	8.7	16	
VÕ THỊ HỒ	KLây	8.7	8.83	8.6	8.7	8.73	2.87	8.23	4.8	8.27	8.8	7.5	8.9		8.7	8.5	8.57	8.57	8.53	8.8	8.8	19	
LÊ THỊ THU PHƯƠNG	KLây	8.6	8.6	8.37	8.6	8.73	4.43	8.27	3.87	4.13		7.53	8.6	8.53	8.53	4.33	8.6	8.63	8.6	8.63		19	
LA THỊ LƯƠNG	KLây	8.63	8.63	8.7	8.47	8.8	2.87	8.07	8.23	8.17	8.6	4.47	8.6	8.6	8.47	8.37	8.47	8.67		8.53	8.6	19	
LÔ THỊ KIM CHI	KLây	7.77	8.4	7.73	8.37	9.17		5.3		8.2						8.63	4.27	8.57	8.53	8.5		13	
ỐC THỊ CHIẾN	KLây					8.77	4.37	2.9	4.73	8.23	8.67	3.83	3.97	8.63	8.43	8.37	8.47	8.4	8.7	8.67	8.67	16	
Khoa Lây Count	9																						
MOONG THỊ CHẨN	HSCC		8.37	8.03	8.3	8.5	4.47	8.27	5.5	8.13	8.07	4.8	8.07	7.93	8.33	8.47	8.43	8.37	8.33	7.87	8.07	19	
VỪ BÁ NHÀ	HSCC	9.03	8.2	8.3	8.33	7.8		8.33	5.9		4.47		8.13	8.1		8.43	8.7	8.37	2.83	8.9	4.47	15	
LƯƠNG THỊ NGỌC	HSCC																					0	
XEO THỊ MÂY	HSCC					1.67		4.9			5.9		6.1				7.73	7.77	3.27	5.93	5.9	9	
NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	HSCC	8.63	8.4	8.8	8.87	8.53	2.87	5.6	8.53	8.3	8.53	4.5	8.6	8.6	8.77	5.83	8.77	8.57	8.67	8.5	8.53	20	
LÔ VĂN CHÔM	HSCC	8.6	8.53	8.5	8.53	8.63		8.23	7.93		8.6	7.57	8.57	8.57	8.17	8.57	7.8	4.77	8.47	8.6	8.6	18	
HỒ HỒNG HẢI	HSCC	8.37	8.23	8.13		8.47	4.27	8.33		5.97	7.8		5.27	8.1	8.27	8.2	8.23	8.1	1.93	8.3	7.8	17	
KHA THỊ MY LY	HSCC	8.57	8.37	6.3	8.43	8.43		8.3	1.53	8.3	8.57	4.33	8.43	8.37	8.4	4.17	4.03	2.77	8.37	8.47	8.57	19	
LẦU BÁ CHỒ	HSCC	7.23	7.67	7.4	7.27	8.57				7.5	7.4	3.53	8.37	4.1						7.5	7.4	12	

